

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/HNGĐ-ST

Ngày 27 - 7 - 2022

Về việc “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Sơn Thị Hồng Nhân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Sang
2. Bà Nguyễn Thị Thúy Liễu

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Phước Hậu, Thẩm tra viên  
Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Thòn – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 225/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 về việc: “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 2002 (có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Anh Lâm Hoàng M, sinh năm 1999 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Trong đơn khởi kiện đề ngày 18/4/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:* Vào năm 2020, chị với anh Lâm Hoàng M có tìm hiểu và kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C. Quá trình sống chung có 01 người con chung tên Nguyễn Hoàng Hạ V, sinh năm 26/12/2020. Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Sau khi kết hôn 02 vợ chồng sống chung không hạnh phúc. Thời gian

chung sống với nhau, hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh M không có làm việc để phụ giúp gia đình. Chị một mình đi làm công ty trang trải cuộc sống. sau khi sinh con, anh M ở nhà chị được 03 ngày, cự cãi với mẹ chị và bỏ về nhà sinh sống cho đến nay. Anh M không hề phụ nuôi con cũng như không thăm con ngày nào. Nay chị không thể tiếp tục cuộc hôn nhân với anh M nên tôi yêu cầu ly hôn với anh M.

Về con chung: Chị yêu cầu nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng Hạ Vi, sinh năm 26/12/2020, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Hoàng M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như giấy triệu tập đến Tòa án nhưng anh Lê Hoàng M không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình.

- Vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự thực hiện theo các quy định tại các Điều 48, 68, 70, 71, 72, 97, 177, 196, 203, 205, 208, 209, 210, 211, 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Nội dung vụ án: Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T. Cho chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Lâm Hoàng M, giao con chung Nguyễn Hoàng Hạ Vi, sinh năm 26/12/2020 cho chị Nguyễn Thị Thu T nuôi dưỡng, anh Lê Hoàng M không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Nguyễn Thị Thu T có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật của vụ án: “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*”, bị đơn anh Lâm Hoàng M có nơi cư trú tại ấp Phú Nhiêu, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh, căn cứ vào khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Lâm Hoàng M đã được Tòa án tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa xét xử nhưng anh M vắng mặt không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Thảo và anh M theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét thấy, chị Nguyễn Thị Thu T và anh Lâm Hoàng M tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

[3] Về hôn nhân: Quá trình chung sống với nhau giữa chị Nguyễn Thị Thu T và anh Lâm Hoàng M phát sinh mâu thuẫn, anh M không quan tâm chăm sóc gia đình, sau khi chị Thảo sinh con, anh M bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay, điều này thể hiện ở biên bản xác M tại địa phương là đúng sự thật. Kể từ ngày Tòa án thụ lý vụ án và tiến hành hòa giải, Tòa án triệu tập anh M tham gia hòa giải và phiên tòa xét xử nhưng anh M vẫn vắng mặt. Điều này cho thấy anh M không có thiện chí đoàn tụ gia đình với chị Thảo. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng của chị Thảo và anh M không còn yêu thương nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cho chị Nguyễn Thị Thu T và anh Lâm Hoàng M ly hôn là có cơ sở.

[4] Về con chung: Nguyễn Hoàng Hạ Vi, sinh năm 26/12/2020, chị Thảo yêu cầu nuôi dưỡng con chung. Do con chung hiện tại dưới 36 tháng tuổi và sống chung với chị Thảo phát triển đầy đủ về tinh thần và thể chất nên Hội đồng xét xử giao con chung cho chị Thảo tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Thu T không yêu cầu anh Lâm Hoàng M cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Xét đề nghị của Vị đại diện viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

[7] Án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51; 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu T. Cho chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Lâm Hoàng M.

Con chung: Giao 01 người con chung tên Nguyễn Hoàng Hạ Vi, sinh năm 26/12/2020 cho chị Nguyễn Thị Thu T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Lâm Hoàng M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lâm Hoàng M có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

*Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Thu T chịu toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà chị Thảo đã nộp theo biên lai số 0011032 ngày 25/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, chị Nguyễn Thị Thu T không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

## HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**CÁC HỘI THẨM**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Chánh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Lưu.

**Sơn Thị Hồng Nhân**